

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 11/2024
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 06/11/2024

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	50	40	10	13,800
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	0	38,700
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	50	50	0	22,430
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	30	30	0	50,180
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	40	40	0	13,650
6	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	50	50	0	55,540
7	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	40	40	0	57,750
8	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	0	46,580
9	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	0	74,480
10	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	0	31,500
11	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	0	198,750
12	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	0	61,980
13	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	20	20	0	19,130
14	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	0	58,730
15	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	40	40	0	60,750
16	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	0	62,400
17	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	40	40	0	13,550
18	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	0	20,045
19	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	0	23,250
20	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	0	69,000
21	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	0	80,100
22	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	0	49,200
23	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	0	17,550
24	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	40	40	0	52,500
25	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	30	40	-10	97,500
26	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	0	53,250
27	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	0	130,000
28	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	0	31,450
29	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	30	20	43,650
30	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	0	18,380
31	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	30	10	30,000
32	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	0	48,850
33	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	0	123,760
34	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	50	0	51,860

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
35	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	0	61,280
36	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	0	54,900
37	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	0	148,890
38	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	0	50,350
39	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	0	20,000
40	DNP	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	100	50	50	0	25,000
41	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	40	0	81,450
42	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	45,510
43	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	50	0	59,630
44	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	50	50	0	43,050
45	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	0	82,650
46	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	40	50	-10	114,900
47	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	40	-10	24,230
48	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	0	24,000
49	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	40	40	0	15,890
50	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	0	16,000
51	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	30	0	8,200
52	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	0	71,180
53	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	0	194,120
54	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	0	41,560
55	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	0	107,550
56	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	30	30	0	17,480
57	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	0	21,000
58	GIL	Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	100	20	20	0	42,830
59	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	0	78,120
60	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	50	0	19,350
61	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	40	40	0	43,550
62	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	0	62,250
63	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	30	0	25,130
64	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	0	28,850
65	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	0	40,430
66	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	40	0	29,270
67	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	0	40,130
68	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	50	25	25	0	100,000
69	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	0	40,130
70	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	30	30	0	4,850
71	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	0	30,600
72	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	30	30	0	11,550
73	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	90	45	45	0	20,000
74	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	0	83,400

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
75	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	30	40	-10	13,490
76	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	40	40	0	20,180
77	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	0	59,600
78	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	40	40	0	34,930
79	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	0	75,600
80	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	0	32,810
81	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	50	50	0	15,230
82	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	0	27,600
83	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	0	16,200
84	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	0	4,650
85	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	0	49,950
86	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	0	44,450
87	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	0	38,330
88	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	0	39,030
89	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	0	19,200
90	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	0	80,000
91	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	0	81,790
92	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	50	50	0	32,700
93	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	100	30	30	0	28,960
94	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	0	112,380
95	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	0	133,200
96	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	40	40	0	30,750
97	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	30	30	0	43,570
98	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	0	33,600
99	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	40	40	0	32,400
100	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	0	89,550
101	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	0	18,300
102	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	0	40,270
103	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	0	35,630
104	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	100	40	40	0	41,400
105	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	0	25,000
106	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	0	35,770
107	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	0	21,380
108	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	49,050
109	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	0	48,450
110	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	30	0	8,090
111	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	0	83,810
112	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	30	30	0	34,650
113	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	0	62,400
114	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	0	141,900

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
115	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	17,340
116	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	41,850
117	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	15,000
118	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	0	36,030
119	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	0	10,350
120	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	0	71,700
121	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	57,900
122	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	0	41,250
123	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	0	96,150
124	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	0	12,300
125	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	0	84,900
126	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	30	30	0	9,710
127	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	0	45,750
128	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	40	40	0	18,530
129	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	30	30	0	8,000
130	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	0	109,440
131	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	0	15,680
132	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	0	12,500
133	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	0	22,350
134	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	0	50,000
135	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	0	268,500
136	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	40	40	0	40,650
137	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	0	20,000
138	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	0	40,350
139	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	0	52,880
140	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	30	30	0	38,850
141	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	50	50	0	40,800
142	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	0	63,450
143	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	0	36,230
144	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	50	50	0	23,250
145	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	0	69,230
146	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	40	40	0	73,130
147	THT	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	100	50	50	0	17,850
148	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	0	34,430
149	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	0	80,400
150	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	80	40	40	0	48,000
151	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	50	0	36,600
152	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	0	26,250
153	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	0	8,700

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
154	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	0	115,500
155	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	40	10	63,980
156	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	80	40	40	0	8,000
157	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	30	30	0	42,150
158	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	40	40	0	32,490
159	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	0	20,000
160	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	0	138,000
161	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	0	27,150
162	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	0	53,400
163	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	0	94,950
164	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	0	62,400
165	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	0	108,000
166	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	0	71,700
167	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	0	28,800
168	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	0	40,000
169	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	30	30	0	19,500
170	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	0	12,000
171	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	0	20,000
172	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	0	100,950
173	VOS	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	100	40	40	0	21,150
174	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	0	29,480
175	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	0	40,000
176	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	0	28,650
177	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	40	40	0	25,430
178	VSH	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	100	40	40	0	75,750
179	VTO	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	100	50	50	0	18,450
180	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	0	80000
181	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	40	0	40	15269.61088
182	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	40	0	40	87405.32642
183	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	0	50	23925
184	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	50	0	50	30300
185	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	20	0	20	46426.1957
186	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
187	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
188	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
189	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
190	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
191	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
192	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
193	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
194	ADS	Công ty cổ phần Damsan	0	0			0
195	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
196	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
197	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
198	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	50	0			0
199	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
200	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
201	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
202	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
203	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	50	0			0
204	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	50	0			0
205	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
206	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
207	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
208	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
209	BCG	Công ty cổ phần Bamboo Capital	50	0			0
210	BDB	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	0	0			0
211	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
212	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
213	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
214	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
215	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
216	BNA	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc	0	0			0
217	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
218	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
219	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
220	BST	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bình Thuận	0	0			0
221	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
222	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
223	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
224	C32	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	0	0			0
225	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
226	CAG	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	0	0			0
227	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
228	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Cù Chi	0	0			0
229	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
230	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
231	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
232	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
233	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
234	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
235	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
236	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
237	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
238	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
239	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
240	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
241	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
242	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	0	0			0
243	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
244	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
245	CTF	Công ty cổ phần City Auto	0	0			0
246	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
247	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
248	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
249	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
250	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
251	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
252	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
253	DAH	Công ty cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	0	0			0
254	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
255	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	0			0
256	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
257	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
258	DHM	Công ty cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	0	0			0
259	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
260	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
261	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
262	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
263	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
264	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
265	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
266	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
267	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
268	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
269	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
270	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
271	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
272	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
273	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
274	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
275	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
276	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
277	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	50	0			0
278	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
279	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	0			0
280	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
281	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
282	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
283	GKM	Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh	0	0			0
284	GLT	Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	0	0			0
285	GMA	Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	0	0			0
286	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
287	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
288	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
289	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
290	HAP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	0	0			0
291	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
292	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
293	HBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	0	0			0
294	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
295	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
296	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
297	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
298	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
299	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	0	0			0
300	HID	Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam	0	0			0
301	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
302	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
303	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
304	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
305	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
306	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
307	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	0	0			0
308	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
309	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
310	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
311	HT1	Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
312	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
313	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
314	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
315	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
316	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
317	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
318	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	0			0
319	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
320	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
321	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
322	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
323	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
324	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	0	0			0
325	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	50	0			0
326	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
327	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
328	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	0	0			0
329	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
330	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
331	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
332	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
333	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
334	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
335	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
336	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
337	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
338	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
339	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
340	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
341	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	0	0			0
342	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
343	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
344	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
345	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	0	0			0
346	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
347	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
348	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
349	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
350	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
351	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
352	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
353	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
354	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
355	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
356	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
357	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
358	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	0	0			0
359	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
360	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
361	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
362	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
363	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	0	0			0
364	NBP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	0	0			0
365	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
366	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
367	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
368	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
369	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
370	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
371	NOI	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	50	0			0
372	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
373	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
374	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
375	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
376	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
377	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	50	0			0
378	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
379	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
380	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	50	0			0
381	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
382	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
383	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
384	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
385	PGN	Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	0	0			0
386	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
387	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
388	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
389	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
390	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
391	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
392	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
393	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
394	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
395	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
396	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
397	POT	Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	0	0			0
398	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
399	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
400	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
401	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
402	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
403	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
404	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
405	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
406	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	0	0			0
407	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
408	PSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	0	0			0
409	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
410	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	0	0			0
411	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
412	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
413	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
414	PTX	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
415	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
416	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
417	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
418	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
419	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
420	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
421	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
422	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
423	SAV	Công ty Cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu SAVIMEX	0	0			0
424	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
425	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
426	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
427	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
428	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
429	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
430	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
431	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
432	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
433	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
434	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
435	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
436	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
437	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
438	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
439	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
440	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
441	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
442	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
443	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
444	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
445	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	50	0			0
446	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
447	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	50	0			0
448	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
449	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
450	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
451	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
452	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
453	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	50	0			0
454	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
455	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
456	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
457	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
458	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
459	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
460	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
461	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
462	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
463	TBX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	0	0			0
464	TCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	0	0			0
465	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
466	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
467	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
468	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
469	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
470	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	50	0			0
471	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
472	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
473	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0
474	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
475	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
476	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
477	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
478	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
479	TIG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0
480	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
481	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
482	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
483	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
484	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
485	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
486	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
487	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
488	TN1	Cô phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
489	TNH	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	50	0			0
490	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
491	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
492	TPH	Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại T.P Hà Nội	0	0			0
493	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
494	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
495	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
496	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
497	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
498	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
499	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
500	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
501	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
502	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
503	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
504	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
505	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
506	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
507	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
508	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
509	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
510	VCA	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	0	0			0
511	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
512	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
513	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
514	VE3	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0	0			0
515	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
516	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
517	VHE	Cô phiếu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
518	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
519	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
520	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
521	VMD	Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	0	0			0
522	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
523	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
524	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
525	VNG	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	0	0			0
526	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
527	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
528	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
529	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
530	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
531	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
532	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
533	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
534	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
535	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
536	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
537	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
538	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
539	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T10/2024	Thay đổi	
540	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
541	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0